TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2018
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Lợi.

2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Long An, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 202/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị L - Sinh năm 1970 - Địa chỉ: Ấp 3, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C (B) - Sinh năm 1974 - Địa chỉ: Ấp 4, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 10 năm 2017 và đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2018 (thay thế đơn khởi kiện đề ngày 27-10-2017), các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Trương Thị L trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Nguyễn Văn C cưới nhau năm 2001, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả dẫn đến mất hạnh phúc. Bà và ông C đã ly thân 10 năm.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C (B).

Về nuôi con chung: Bà và ông C có 01 con chung tên là Trương Thành L1, sinh ngày 28-10-2004, hiện đang sống chung với bà, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 13 tháng 12 năm 2017, bị đơn là ông Nguyễn Văn C (B) trình bày:

Ông thống nhất trình bày của bà Trương Thị L về việc chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn (nhưng thời gian năm 2003), về nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung và việc không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông với bà L ly thân từ năm 2005 đến nay.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trương Thị L.

Về nuôi con chung: Ông đồng ý để bà L trực tiếp nuôi con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, bà Trương Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; Ngày 11 tháng 01 năm 2018 ông Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H nhận xét:

Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu nguyên đơn vì quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị L và ông Nguyễn Văn C (B) không được pháp luật công nhận là vợ chồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trương Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn C, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà L và ông C có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà L và trình bày của ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[3] Nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[4] Xét về hôn nhân:

Bà L và ông C chung sống như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật hôn nhân và gia đình công nhận là vợ chồng.

[5] Về nuôi con chung:

Xét bà L và ông C thống nhất có 01 con chung tên là Trương Thành L1, sinh ngày 28-10-2004, hiện đang sống chung với bà L là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

Xét bà L và ông C thống nhất việc bà L được trực tiếp nuôi con chung, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[6] Xét về chia tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông C thống nhất không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm, ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm - là phù hợp quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 9, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị L và ông Nguyễn Văn C (B) không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

- Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự:

+ Bà Trương Thị L và ông Nguyễn Văn C (B) có 01 con chung tên là Trương Thành L1, sinh ngày 28-10-2004, hiện đang sống chung với bà L.

+ Bà Trương Thị L được trực tiếp nuôi con chung tên Trương Thành L1, theo nguyện vọng của con chung. Ông Nguyễn Văn C (B) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ông Nguyễn Văn C (B) được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà L và ông C (B) được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị L chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0008089 ngày 02-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MQT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương